

Số: /2025/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025- 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều
của Luật Du lịch;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân
dân tỉnh Lạng Sơn về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính
sách hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030; Báo cáo thẩm
tra của ; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách
hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025- 2030.

Điều 2. Bãi bỏ Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND, ngày 14/12/2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm/.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư lệnh Quân khu I;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025- 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND, ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025- 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc tổ chức thực hiện các chính sách tại Quy định này.

3. Các chính sách tại Quy định này không áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đang trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản; trong quá trình giải thể; tạm ngừng hoạt động; mất khả năng thanh toán; hoặc đang trong quá trình bị cơ quan chức năng điều tra, truy tố.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung chính sách, đối tượng hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Trong cùng một thời điểm nếu có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ, thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất từ ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau của chính sách hỗ trợ phát triển du lịch thì được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung (*nếu đủ điều kiện*).

4. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng đề nghị hỗ trợ trong cùng thời điểm, cùng năm nhưng ngân sách nhà nước không thể đảm bảo thì căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết

định số lượng tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc ưu tiên lựa chọn theo thứ tự khu du lịch, điểm du lịch, cộng đồng dân cư có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch.

5. Không hỗ trợ đối với hoạt động của tổ chức, cá nhân đã triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến chính sách tại Quy định này trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

6. Phương thức hỗ trợ: mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ 01 lần đối với một nội dung chính sách tại Quy định này trong giai đoạn 2025 - 2030; trừ các trường hợp quy định tại Quy định này.

7. Thời điểm hỗ trợ: công trình, sản phẩm được nghiệm thu, hoàn thành đưa vào sử dụng; sau khi kết thúc tham gia chương trình xúc tiến du lịch.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 4. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, kỹ thuật

1. Hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời tại các trục giao thông tại Điểm du lịch

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời tại các trục giao thông tại Điểm du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh;

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quy định tại điều 23, Luật Du lịch và điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

d) Mức hỗ trợ: hỗ trợ 100% tổng giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 700 triệu đồng/điểm du lịch.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành lắp đặt.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Bản sao Quyết định công nhận điểm du lịch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân hoặc văn bản khác chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân (bản sao có chứng thực).

- Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị cung cấp dịch vụ đúng chuyên ngành; văn bản chứng minh điều kiện hoạt động dịch vụ chuyên ngành; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; bản sao các hóa đơn, chứng từ, giấy

chuyển tiền.

2. Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe

a) Nội dung hỗ trợ: xây dựng bãi đỗ xe tại các điểm du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh;

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quy định tại điều 23, Luật Du lịch và điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

d) Mức hỗ trợ: 100% tổng giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 800 triệu đồng/điểm du lịch.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt: Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng.

3. Hỗ trợ cải tạo cảnh quan điểm du lịch

a) Nội dung hỗ trợ: Xây dựng công điểm du lịch; Lắp đặt biển tên, biển chỉ dẫn, biển thuyết minh tại điểm du lịch; Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh;

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quy định tại điều 23, Luật Du lịch và điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

d) Mức hỗ trợ:

- Xây dựng công điểm du lịch: mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/công.
- Lắp đặt biển tên, biển chỉ dẫn, biển thuyết minh tại điểm du lịch: mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/điểm du lịch.
- Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 500 triệu đồng/điểm du lịch.

- Hỗ trợ 70% chi phí vận chuyển, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm du lịch cộng đồng.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt: Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng.

4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông kết nối từ điểm du lịch đến quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường xã

a) Nội dung hỗ trợ: đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông kết nối từ điểm du lịch đến quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường xã.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh;

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quy định tại điều 23, Luật Du lịch và điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

d) Mức hỗ trợ: 50% tổng giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 01 tỷ đồng/điểm du lịch.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt: Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của

Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng.

5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo đường giao thông nội bộ trong các điểm du lịch.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo đường giao thông nội bộ trong các điểm du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh;

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quy định tại điều 23, Luật Du lịch và điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

d) Mức hỗ trợ: 50% tổng giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 500 triệu đồng/điểm du lịch.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt: Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng.

6. Hỗ trợ đối với các cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, thiết kế kiến trúc nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà vệ sinh đạt chuẩn; Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ khách du lịch; Hỗ trợ cải tạo cảnh quan sân vườn.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các cá nhân tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Có văn bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch cộng đồng ít nhất 05 năm, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư.
- Sau khi cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nhà ở có quy mô phục vụ từ 15 khách du lịch trở lên và đáp ứng các điều kiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7800:2017 về Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê được công bố tại Quyết định số 3990/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/cá nhân.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).
- Bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh đối tượng đề nghị hỗ trợ đáp ứng các điều kiện để được kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật;
- Văn bản công nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7800:2017. Văn bản xác nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy mô của cơ sở đảm bảo phục vụ từ 15 khách trở lên.

7. Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Theo Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Tổng cục Du lịch về việc ban hành Quy định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch và kế hoạch triển khai).

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh;
- Được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quy định tại điều 23, Luật Du lịch và điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50 triệu đồng/công trình nâng cấp; 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt: Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng.

8. Hỗ trợ điểm trung bày, bán các sản phẩm OCOP, kết hợp nhà hàng ẩm thực tại các điểm du lịch, điểm dừng nghỉ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ điểm trung bày, bán các sản phẩm OCOP, kết hợp nhà hàng ẩm thực tại các điểm du lịch, điểm dừng nghỉ.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ: Là các dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp thành tổ hợp công trình có công năng là trạm dừng chân phục vụ du lịch dọc trên các tuyến du lịch, đảm bảo điều kiện tối thiểu phục vụ khách du lịch gồm:

- Có bãi đỗ xe diện tích tối thiểu 200m² (hai trăm mét vuông).

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ du lịch theo Quy định tại Điều 56, Luật lịch năm 2017.

- Nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ du lịch quy định tại Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 8 năm 5 năm 2012 của Tổng cục du lịch ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch.

d) Mức hỗ trợ: 50% tổng giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 500 triệu đồng/điểm.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt: Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng.

9. Hỗ trợ tư vấn về không gian, cảnh quan, sản phẩm du lịch

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn thiết kế, bố trí không gian, cảnh quan làm căn cứ cho đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ phục vụ du lịch; tư vấn đề tạo ra sản phẩm du lịch hấp dẫn, thu hút khách.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch trong các địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch; trong các khu vực được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương, kế hoạch phát triển du lịch theo quy hoạch, đề án phát triển du lịch của tỉnh được phê duyệt.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ theo thực tế tại từng điểm du lịch và không quá 300 triệu đồng/01điểm.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần sau khi dự án hoàn thành.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).
- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; bản tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện.

Điều 5: Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch

1. Hỗ trợ thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương có hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh để phục vụ khách du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Được thành lập mới tại các địa phương có hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh;

- Có quy mô từ 15 người trở lên là người dân cư trú tại địa phương nơi đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng được thành lập;

- Được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc thành lập mới và đã biểu diễn phục vụ khách du lịch từ 02 tháng trở lên, tối thiểu 2 lần/tháng;

- Có cam kết về việc biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống phục vụ khách du lịch. Trường hợp vi phạm cam kết thì đối tượng được hỗ trợ phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ thành lập đã được cấp.

d) Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng đối với đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng; chỉ hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho tối đa 02 đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã nơi có hoạt động du lịch.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng được thành lập và đã biểu diễn phục vụ khách du lịch từ 02 tháng trở lên.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02).

- Văn bản xác nhận thông tin về cư trú của các thành viên đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng;

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng được thành lập mới và đã biểu diễn phục vụ khách du lịch từ 02 tháng trở lên;

- Bản cam kết về việc biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống phục vụ khách du lịch.

2. Hỗ trợ duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương có hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Là đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng đã được hỗ trợ theo quy định tại nội dung khoản 1 điều này;

- Có cam kết và đăng ký biểu diễn tối thiểu 02 lần/tháng để phục vụ khách du lịch và cam kết tham gia các chương trình xúc tiến du lịch, các sự kiện do ngành du lịch tổ chức khi có yêu cầu. Trường hợp vi phạm cam kết thì đối tượng được hỗ trợ phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động đã được cấp trong năm và không được hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động các năm tiếp theo (trừ trường hợp thiên tai, dịch bệnh, các rủi ro bất khả kháng mà Nhà nước có quy định tạm dừng hoạt động kinh doanh du lịch dẫn đến việc không thực hiện được nội dung đã cam kết).

d) Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng/năm.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Hỗ trợ hằng năm (hỗ trợ lần đầu sau khi đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng thành lập được 06 tháng; các năm tiếp theo hỗ trợ trong Quý I của năm).

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02).

- Bản cam kết và đăng ký biểu diễn tối thiểu 02 lần/tháng để phục vụ khách du lịch và cam kết tham gia các chương trình xúc tiến du lịch, các sự kiện do ngành du lịch tổ chức khi được yêu cầu;

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị quản lý khu, điểm du lịch về kết quả biểu diễn của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng (báo cáo kết quả biểu diễn trong 06 tháng đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ).

trợ năm đầu tiên và kết quả biểu diễn của năm trước đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ từ năm thứ hai trở đi).

3. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch tại các địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch.

a) Nội dung: Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch tại các địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch.

b) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh du lịch trong các địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch; trong các khu vực được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương, kế hoạch phát triển du lịch theo quy hoạch, đề án phát triển du lịch của tỉnh được phê duyệt.

d) Mức hỗ trợ: 200 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành đầu tư và phục vụ khách du lịch.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02).
- Đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Có văn bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư.
- Thực hiện thủ tục, hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch có xác nhận của chính quyền địa phương.
- Đối với các công trình do các cơ quan, đơn vị có liên quan là chủ đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

4. Khôi phục, phát triển nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các tổ chức kinh doanh du lịch khôi phục, phát triển nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức tham gia kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

Nghề truyền thống đáp ứng các tiêu chí công nhận tại khoản 2, Điều 5 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về quy định phát triển ngành nghề nông thôn.

d) Mức hỗ trợ: 90 triệu đồng/nghe.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành đầu tư và phục vụ khách du lịch.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02).

- Đáp ứng thành phần hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống tại khoản 1, Điều 6 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về quy định phát triển ngành nghề nông thôn.

5. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất mẫu/sản xuất các sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất mẫu/sản xuất các sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch; sản phẩm phải thể hiện được tính độc đáo, sáng tạo, mang đặc trưng riêng biệt của Lạng Sơn (*hình ảnh một trong các di tích lịch sử, văn hóa; danh lam thắng cảnh; địa danh; các công trình mang tính đặc trưng, riêng biệt của tỉnh và được sản xuất dưới dạng mô hình, biểu tượng, biểu trưng, tranh văn hóa nghệ thuật, vật dụng, đồ dùng sinh hoạt...*).

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất các mẫu sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch; mức hỗ trợ tối đa 60 triệu đồng/cơ sở.

đ) Thời điểm hỗ trợ: sau khi hoàn thành sản xuất mẫu sản phẩm lưu niệm du lịch mới.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02).

- Đáp ứng các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh.

6. Hỗ trợ tổ chức các Lễ hội/Lễ hội truyền thống tiêu biểu tại các huyện, thành phố.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức các Lễ hội/Lễ hội truyền thống tiêu biểu tại các huyện, thành phố.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ: Là lễ hội tiêu biểu của các dân tộc cư trú thành cộng đồng, duy trì tổ chức hàng năm hoặc lễ hội khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung kịch bản tổ chức lễ hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 80 triệu đồng/lễ hội/năm.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm, sau khi kết thúc Lễ hội/Lễ hội truyền thống tiêu biểu.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02).

- Có kế hoạch, dự toán kinh phí, nội dung kịch bản tổ chức lễ hội được cấp

có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6: Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch

1. Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Có kế hoạch, dự trù kinh phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch cho người lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch trên địa bàn tỉnh và không thu phí của học viên tham gia;

- Mỗi lớp tập huấn, bồi dưỡng phải bảo đảm tối thiểu 50 học viên; thời gian tổ chức tối thiểu 02 ngày. Học viên phải là đối tượng chưa tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch có cùng nội dung tập huấn, bồi dưỡng và đã được hỗ trợ chi phí tổ chức theo quy định tại Điều này trong năm.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 90% chi phí tổ chức, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/lớp. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ tổ chức tối đa 02 lớp/năm.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được phê duyệt.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02);

- Danh sách học viên tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch;

- Kế hoạch, dự trù kinh phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch cho người lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

- Bảng kê chi phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch;

- Bản chính hoặc bản sao các hóa đơn, chứng từ hoặc các tài liệu hợp pháp để chứng minh chi phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức du lịch (trường hợp nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

2. Hỗ trợ đào tạo nghề du lịch

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ người dân địa phương và lao động tham gia khóa đào tạo nghề du lịch tổ chức trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng được hỗ trợ: Người dân địa phương và lao động đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Từ đủ 18 tuổi trở lên, cư trú trên địa bàn tỉnh;
- Tham gia khóa đào tạo nghề du lịch tổ chức trên địa bàn tỉnh từ 03 tháng trở lên và có chứng nhận hoặc chứng chỉ về việc hoàn thành khóa đào tạo này;
- Có cam kết làm việc trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh trong thời hạn ít nhất 12 tháng sau khi được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ về việc hoàn thành khóa đào tạo nghề du lịch. Trường hợp vi phạm cam kết thì đối tượng được hỗ trợ phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ;
- Đối với các trường hợp lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh, phải có hợp đồng lao động và văn bản cử đi học của cơ sở kinh doanh du lịch nơi lao động đang làm việc.

d) Mức hỗ trợ: 05 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ về việc hoàn thành khóa đào tạo nghề du lịch.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 02);
- Bản sao có chứng thực căn cước công dân;
- Văn bản xác nhận thông tin về cư trú;
- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ về việc hoàn thành khóa đào tạo nghề du lịch;
- Bản cam kết làm việc trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh trong thời hạn ít nhất 12 tháng sau khi được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ về việc hoàn thành khóa đào tạo nghề du lịch;
- Bản sao hợp đồng lao động và văn bản cử đi học của cơ sở kinh doanh du lịch nơi lao động đang làm việc (đối với trường hợp lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh).

Điều 7: Hỗ trợ xúc tiến, quảng bá du lịch trong và ngoài nước.

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh tham gia các chương trình xúc tiến du lịch trong và ngoài nước (chỉ hỗ trợ chi phí thuê gian hàng; thiết kế, dựng gian hàng; sản xuất ấn phẩm du lịch; vé máy bay).

2. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Đáp ứng các điều kiện để được kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật;

b) Có kế hoạch, dự trù kinh phí tham gia chương trình xúc tiến du lịch ở trong và ngoài nước.

4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20% chi phí tham gia chương trình xúc tiến du lịch nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/lần tham gia đối với chương trình xúc tiến du lịch trong nước, không quá 50 triệu đồng/lần tham gia đối với chương trình xúc tiến du lịch tại các nước thuộc khu vực châu Á, không quá 100 triệu đồng/lần tham gia đối với chương trình xúc tiến du lịch tại các nước ngoài khu vực châu Á.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi kết thúc việc tham gia chương trình xúc tiến du lịch.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu Phụ lục 02);

b) Bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh đối tượng đề nghị hỗ trợ đáp ứng các điều kiện để được kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Kế hoạch, dự trù kinh phí tham gia chương trình xúc tiến du lịch;

d) Bảng kê chi phí thuê gian hàng; thiết kế, dựng gian hàng; sản xuất ấn phẩm du lịch; vé máy bay.

đ) Bản chính hoặc bản sao các hóa đơn, chứng từ hoặc các tài liệu hợp pháp để chứng minh chi phí thuê gian hàng; thiết kế, dựng gian hàng; sản xuất ấn phẩm du lịch; vé máy bay (trường hợp nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 8: Hỗ trợ phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các phòng/không gian trưng bày giới thiệu quảng bá về các giá trị, sản phẩm Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn.

b) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch tại các điểm du lịch trên 04 tuyến du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản c điều này.

c) Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động, kinh doanh trong các điểm du lịch theo quy hoạch, đề án, kế hoạch xây dựng và phát triển điểm du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng 01 phòng/không gian trưng bày giới thiệu quảng bá về các giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn tối đa 500 triệu đồng/01 phòng, không gian trưng bày.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành đầu tư và phục vụ khách du lịch.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục 01).
- Đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Có văn bản cam kết thực hiện kinh doanh điểm du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn ít nhất 05 năm, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư; có Thỏa thuận đối tác ký kết với Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn.
- Có các bản thiết kế, bản vẽ, phương án xây dựng, nội dung, hình ảnh sử dụng cho các phòng/không gian trưng bày giới thiệu quảng bá về các giá trị, sản phẩm Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn cần có ý kiến tham vấn của Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn trước khi thi công, lắp đặt.

Điều 9: Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các tổ chức, cá nhân để thực hiện phát triển du lịch cộng đồng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện phát triển du lịch cộng đồng.

b) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng trong các địa điểm được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương, kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng.

c) Điều kiện hỗ trợ:

Các hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất cho vay đầu tư phát triển loại hình du lịch cộng đồng khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Các cá nhân là chủ hộ kinh doanh vay vốn thực hiện loại hình du lịch cộng đồng ở những khu vực được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương, kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng.

- Các cá nhân là chủ hộ kinh doanh vay vốn thực hiện loại hình du lịch cộng đồng có phương án sử dụng vốn vay đúng mục đích.

- Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với tổ chức tín dụng.

- Các loại hình du lịch cộng đồng phải được cơ quan có thẩm quyền cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Dự án đề nghị được hỗ trợ là dự án chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong hạn khi vay vốn ở các ngân hàng để đầu tư phát triển loại hình du lịch cộng đồng, số nợ vay hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/hộ vay.

đ) Thời điểm hỗ trợ: Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân vốn vay theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng, đồng thời căn cứ vào thời hạn hợp đồng tín dụng giữa khách hàng và ngân hàng nhưng tối đa không quá 05 năm.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của tổ chức, cá nhân đã được UBND cấp huyện xác nhận (Mẫu số 01/HTLS).

- Biên bản kiểm tra trước khi xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của UBND cấp huyện (Mẫu số 02/HTLS).

- Thông báo của ngân hàng thương mại về việc quyết định cho tổ chức, cá nhân vay vốn.

Điều 10: Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ của chính sách quy định tại khoản 1,2,3,4,5,7,8 Điều 4; khoản 3,4,6 Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8 và Điều 9 Quy định này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ của chính sách quy định tại khoản 6 Điều 4 và khoản 1,2,5 Điều 5 Quy định này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

2.1. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ (trong đó nêu rõ lý do hồ sơ chưa đủ điều kiện).

c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất hỗ trợ kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài chính.

2.2. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận

a) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ (trong đó nêu rõ lý do hồ sơ chưa đủ điều kiện).

c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề xuất hỗ trợ kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp gửi Sở Tài chính.

3. Trên cơ sở văn bản đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chi trả cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quy định này do ngân sách của tỉnh bảo đảm.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 01**TÊN ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
VỀ VIỆC HỖ TRỢ KINH PHÍ
(Đối với các chính sách hỗ trợ cơ sở hạ tầng, kỹ thuật)**

Kính gửi:

Tên Đơn vị:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax.....

Quyết định thành lập Ban quản lý số.....ngàytháng...năm...(nếu có):..... Tài khoản giao dịch số:..... mở tại.....(nếu có):.....

I. Nội dung Dự án chính thực hiện đầu tư:

1. Tên Dự án:.....
2. Lĩnh vực đầu tư:.....
3. Địa điểm thực hiện Dự án:.....
4. Quy mô của dự án:.....
5. Tổng vốn đầu tư của Dự án, trong đó:
 - Chi phí đầu tư các hạng mục chính của dự án:.....
 - Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:.....
 - Chi phí khác (ghi rõ nội dung chi phí):.....
6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....
7. Tiến độ thực hiện Dự án:.....
8. Các hồ sơ liên quan đã thực hiện theo quy định: quy hoạch, thiết kế, dự toán được phê duyệt; cấp phép xây dựng, GPMB....
10. Các nội dung khác.

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị quyết số ngày /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn).

1. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ:

ST T	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
..				

III. Địa phương/đơn vị cam kết:

1. Về tính chính xác của những thông tin;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

Tổ chức cá nhân
(ký tên - đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

PHỤ LỤC 02

**TÊN ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
VỀ VIỆC HỖ TRỢ KINH PHÍ
(Đối với chính sách hỗ trợ....)**

Kính gửi:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

I. Đăng ký thực hiện nội dung sau:

1. Tên nội dung:.....

2. Địa điểm thực hiện:.....

3. Thời gian thực hiện:.....

4. Mục tiêu và quy mô:.....

5. Tổng kinh phí thực hiện dự kiến:.....

II. Đề nghị hưởng hỗ trợ theo (Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

1. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ:

TT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1			
2			
...			

III. Đơn vị cam kết:

1. Về tính chính xác của những thông tin;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:**Tổ chức, cá nhân***(ký tên - đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo:

Mẫu số 01/HTLS

NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN NGÂN HÀNG

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện/thành phố... ;
- Ngân hàng...

Tên khách hàng vay (*cá nhân, tổ chức*):.....

Địa chỉ :.....

Số điện thoại:..... Fax :.....

Tên người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):..... ;Chức vụ:.....

Sau khi nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng tại Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025 - 2030; *cá nhân/ tổ chức* đề nghị Ủy ban nhân dân (*cấp huyện, thành phố*)..... xem xét quyết định phê duyệt dự án nông nghiệp được hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng¹:

- Địa điểm thực hiện đầu tư:.....

- Tổng mức đầu tư của dự án:.....

Trong đó, Vốn tự có:.....

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....

Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng dự án vay được hỗ trợ lãi suất; chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay; hoàn trả lại ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất cho Nhà nước, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng hỗ trợ lãi suất ghi trong Hợp đồng tín dụng; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra vi phạm./.

Lạng Sơn, ngày.... tháng..... năm.....

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ký tên và đóng dấu/ nếu có)

¹Ghi rõ Nhà đầu tư thuộc đối tượng (quy định tại Điều 9, Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025)

Mẫu số 02/HTLS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Kiểm tra điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyếtcủa Hội
đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn**

Hôm nay, vào hồi ... tại chúng tôi gồm có:

A- THÀNH PHẦN

I- Tổ kiểm tra

.....
.....
.....

II- Nhà đầu tư

Tên khách hàng vay (*cá nhân, tổ chức*):.....

Tên người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):..... Chức vụ:.....

B- NỘI DUNG KIỂM TRA

Tiến hành kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện về hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025 của Nhà đầu tư, cụ thể:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện dự án đầu tư

.....

2. Kiểm tra thực tế dự án và hồ sơ, tài liệu liên quan

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng²:

- Tổng mức đầu tư của dự án:.....

Trong đó, Vốn tự có:.....

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....

Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....

- Hiện trạng dự án đầu tư:.....

² Ghi rõ Nhà đầu tư có thuộc đối tượng tại điều 9 Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025

2. Điều kiện tại điều 9, Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày / /2025: (Dự án đề nghị đã được hỗ trợ từ chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ khác chưa)

.....
.....

4. Các vấn đề khác có liên quan

.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi giờ cùng ngày, biên bản đã được các thành phần tham gia nhất trí thông qua và được lập thành 02 bản. 01 bản gửi Nhà đầu tư, 01 bản lưu hồ sơ hỗ trợ lãi suất./.

NHÀ ĐẦU TƯ

PHÒNG

PHÒNG

UBND XÃ....